

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG**

**DANH SÁCH KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI TRONG KỲ THI**  
**CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA THPT NĂM HỌC 2025 - 2026**

*(Kèm theo Công văn số 92/QLCL-QLT, ngày 19 tháng 01 năm 2026)*

**10-TỈNH CAO BẰNG**

| Số TT | Số báo danh | Môn thi | Điểm   | Giải    | Lớp | Trường (THPT)               |
|-------|-------------|---------|--------|---------|-----|-----------------------------|
| 1     | 10.03.01    | Hoá học | 18.875 | Ba      | 12  | Trường THPT Chuyên Cao Bằng |
| 2     | 10.03.07    | Hoá học | 14.875 | K.Khích | 12  | Trường THPT Chuyên Cao Bằng |
| 3     | 10.03.10    | Hoá học | 14.875 | K.Khích | 12  | Trường THPT Chuyên Cao Bằng |
| 4     | 10.03.09    | Hoá học | 16.250 | K.Khích | 12  | Trường PTDTNT tỉnh Cao Bằng |
| 5     | 10.06.04    | Ngữ văn | 12.750 | Ba      | 12  | Trường THPT Chuyên Cao Bằng |
| 6     | 10.06.05    | Ngữ văn | 12.500 | K.Khích | 12  | Trường THPT Chuyên Cao Bằng |
| 7     | 10.06.08    | Ngữ văn | 12.500 | K.Khích | 12  | Trường THPT Chuyên Cao Bằng |
| 8     | 10.06.06    | Ngữ văn | 12.500 | K.Khích | 12  | Trường THPT Chuyên Cao Bằng |
| 9     | 10.06.01    | Ngữ văn | 12.500 | K.Khích | 12  | Trường THPT Chuyên Cao Bằng |
| 10    | 10.06.10    | Ngữ văn | 12.500 | K.Khích | 11  | Trường THPT Chuyên Cao Bằng |
| 11    | 10.07.02    | Lịch sử | 16.500 | Nhì     | 12  | Trường THPT Chuyên Cao Bằng |
| 12    | 10.07.03    | Lịch sử | 15.000 | K.Khích | 12  | Trường THPT Chuyên Cao Bằng |
| 13    | 10.07.08    | Lịch sử | 14.250 | K.Khích | 11  | Trường THPT Chuyên Cao Bằng |
| 14    | 10.07.10    | Lịch sử | 16.500 | Nhì     | 12  | Trường THPT Chuyên Cao Bằng |
| 15    | 10.07.06    | Lịch sử | 15.500 | Ba      | 11  | Trường THPT Chuyên Cao Bằng |
| 16    | 10.08.02    | Địa lí  | 14.750 | Ba      | 12  | Trường THPT Chuyên Cao Bằng |
| 17    | 10.08.05    | Địa lí  | 13.500 | K.Khích | 12  | Trường THPT Chuyên Cao Bằng |
| 18    | 10.08.08    | Địa lí  | 15.500 | Nhì     | 12  | Trường THPT Chuyên Cao Bằng |
| 19    | 10.08.07    | Địa lí  | 15.500 | Nhì     | 11  | Trường THPT Chuyên Cao Bằng |
| 20    | 10.08.10    | Địa lí  | 13.000 | K.Khích | 11  | Trường THPT Chuyên Cao Bằng |

Danh sách này gồm 20 thí sinh

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG**

**DANH SÁCH KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI TRONG KỲ THI**  
**CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA THPT NĂM HỌC 2025 - 2026**

*(Kèm theo Công văn số 92/QLCL-QLT, ngày 19 tháng 01 năm 2026)*

**10-TỈNH CAO BẰNG**

| Số TT | Số báo danh | Môn thi   | Điểm viết | Điểm nghe | Điểm đọc | Điểm nói | Tổng Điểm | Giải    | Trường (THPT)               |
|-------|-------------|-----------|-----------|-----------|----------|----------|-----------|---------|-----------------------------|
| 1     | 10.09.04    | Tiếng Anh | 3.60      | 4.50      | 4.60     | 1.30     | 14.000    | Ba      | Trường THPT Chuyên Cao Bằng |
| 2     | 10.09.03    | Tiếng Anh | 3.70      | 3.70      | 5.40     | 1.40     | 14.200    | Ba      | Trường THPT Chuyên Cao Bằng |
| 3     | 10.09.02    | Tiếng Anh | 3.40      | 3.60      | 5.10     | 1        | 13.100    | K.Khích | Trường THPT Chuyên Cao Bằng |
| 4     | 10.09.08    | Tiếng Anh | 3.10      | 4         | 5.30     | 1.20     | 13.600    | K.Khích | Trường THPT Chuyên Cao Bằng |

Danh sách này gồm 4 thí sinh